SỰ ĐÓNG GÓP CỦA GIÁM MỤC BÁ ĐA LỘC VÀO CÔNG CUỘC CẢI CÁCH Ở GIA ĐỊNH (Tiếp theo)

Nguyễn Duy Chính*

LTS: Trong phần đầu của chuyên khảo này (tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển,* số 3 (86). 2011), tác giả đã phân tích mối quan hệ giữa chúa Nguyễn Phúc Ánh và Giám mục Bá Đa Lộc; trình bày diễn biến của cuộc cải cách do chúa Nguyễn thực hiện tại Gia Định với sự góp sức của Giám mục Bá Đa Lộc và những người Âu khác, trên các lãnh vực hành chính-tổ chức và phát triển kinh tế.

3. Thiết kế đô thị

Việc quan tâm đầu tiên của Nguyễn Ánh có sự đóng góp của người ngoại quốc là xây dựng một kinh đô tại Gia Định. Kinh đô đó vừa là nơi thị tứ tập trung được một số lượng quần chúng đông đảo để bảo đảm cho việc bổ sung theo nhu cầu mà còn phải thuận tiện cho thuyền bè nước ngoài vào buôn bán. Riêng trường hợp của chúa Nguyễn, xây dựng kinh đô cũng là củng cố căn cứ phòng thủ chống lại những trận "*giặc mùa*" của Tây Sơn nên hai mục tiêu kinh tế và quân sự đều phải quan tâm.

Việc trở về của Giám mục Bá Đa Lộc tuy không mang lại tất cả những gì mà Nguyễn Ánh mong đợi nhưng cũng đem lại một số niềm vui. Hiệp ước Versailles không thi hành nên sau này ông không vướng vào món nợ với nước Pháp và những người sang giúp ông lại có khả năng thiết kế một mô hình đô thị phòng thủ (city-fortress). Một số bản thiết kế (design plans) về thành phố Sài Gòn còn tồn tại đến ngày nay có thể giúp chúng ta đưa ra một số phỏng đoán về khả năng của họ.

Ngay khi về đến Gia Định, hai người đi cùng với Bá Đa Lộc là Victor Olivier de Puymanuel và Théodore Lebrun đã xúc tiến việc thiết kế một bản đại kế hoạch (master plan). Đại kế hoạch này bao gồm một thành phố, bề ngang khoảng 10km có đường nối tới khu vực người Trung Hoa cư ngụ ở phía tây.

Rất tiếc chúng tôi chưa tìm được nguyên thủy bản đại kế hoạch của Victor Olivier (vẽ năm 1790) nhưng có một sao bản theo sơ đồ của Dayot (vẽ năm 1791) bao trùm từ Vũng Tàu vào Sài Gòn nhan đề "*Bản đồ sông Đồng Nai từ Mũi St. James đến thành phố Sài Gòn*" [Map of the River of Don-Nai from Cape St. James to the City of Saigon] do John White vẽ năm 1820 với ghi chú là "*Dựa theo nguyên bản của M. Dayot, thủy họa viên của vua xứ Đàng Trong vẽ năm 1791, được bổ túc bởi John White, Hải quân Hoa Kỳ năm 1820*".(15) Bản đồ Dayot-White cho chúng ta hình dung được cái "grand plan" [thiết kế tổng quát] dùng làm sơ thảo một khu vực lớn để sau này sẽ đưa ra đề án cho từng bộ phận chi tiết hơn.

Bản đồ của White trắc địa từ ngoài khơi Vũng Tàu [ngoài tên Vung-tau còn có tên Cape St. James tức St. Jacques theo các bản đồ Pháp] theo sông

* California, Hoa Kỳ.

Đồng Nai vào tới tận Sài Gòn bao gồm thành Gia Định và một số đường phố dọc theo bờ sông. Dayot là một thủy họa viên (hydrographer) nên ông chú trọng đến các dòng nước, kể cả việc mở thêm nhiều kênh rạch, vừa để thoát nước, vừa là những trục lộ giao thông. Nhiều nơi cũng thấy cả những hàng cây được hình dung bằng những dấu chấm dọc theo bờ kinh rạch hay đại lộ.

Đại kế hoạch này cho thấy ngay từ buổi đầu, chúa Nguyễn và những cố vấn của ông đã dự định xây dựng một thành phố khá lớn, tương đương với thành phố Sài Gòn đầu thế kỷ XX kéo dài từ sông Bến Nghé đến Chợ Lớn, vị trí đặt tên là Bazar Chinois, cách biệt với Sài Gòn bằng một cánh đồng lớn.

Căn cứ bản kế hoạch tổng quát này, chúa Nguyễn đã cho vẽ chi tiết bản đồ thành phố như trong bản thiết kế thứ nhất nhan đề *Plan de la ville de Saigon. Fortifiée en 1790 par le Colonel Victor Olivier. Reduit du Grand Plan Levé en 1795 par ordre du Roi de Cochinchine par Brun Ingénieur* [Bản thiết kế thành phố Sài Gòn đã được đại tá Victor Olivier củng cố phòng ngự năm 1790. Kỹ sư Brun (tức Lebrun) phụng họa năm 1795 (thu hẹp bản thiết kế Đại kế hoạch) theo lệnh của vua xứ Đàng Trong].

Như vậy Victor Olivier bắt đầu kiến tạo và xây công sự phòng thủ [tức thành Quy hay thành Bát Quái] năm 1790. Đến năm 1795, chúa Nguyễn ra lệnh cho Lebrun vẽ lại một bản đồ khác với diện địa nhỏ hơn. Đối chiếu

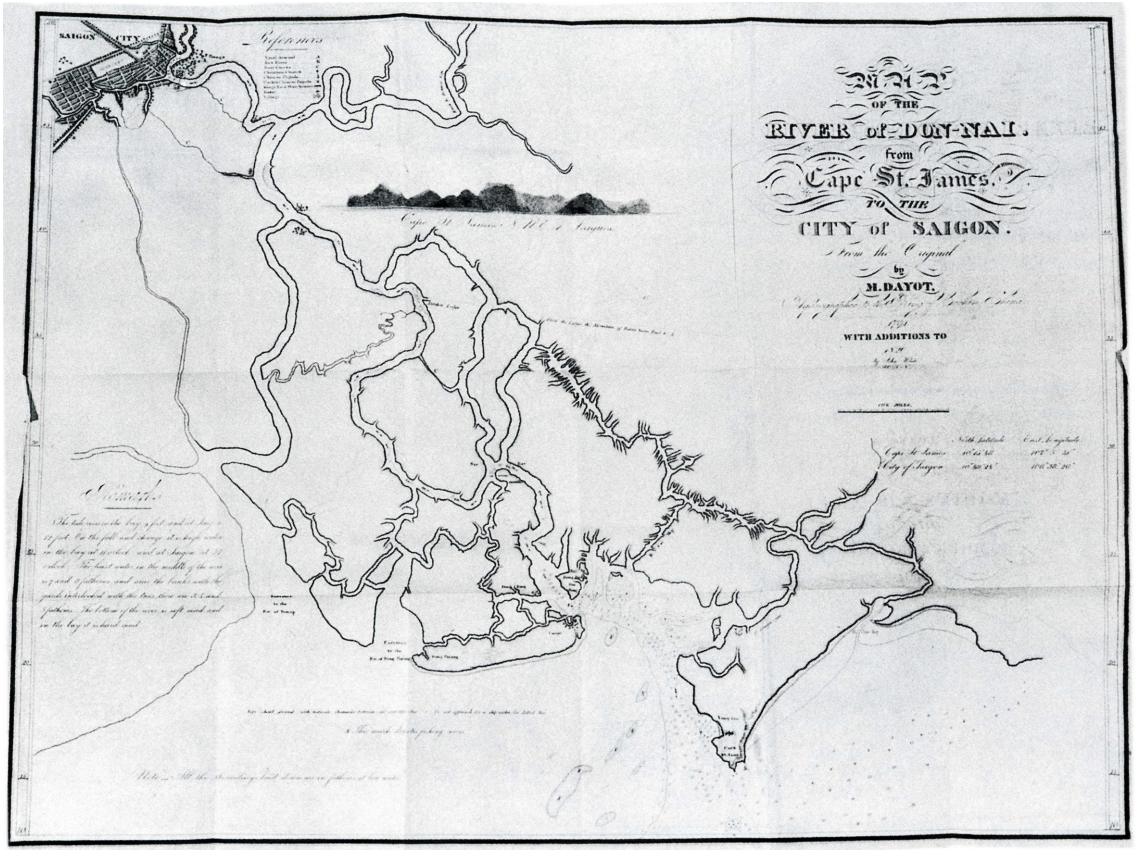

Bản đồ sông Đồng Nai từ Mũi St. James đến thành phố Sài Gòn.

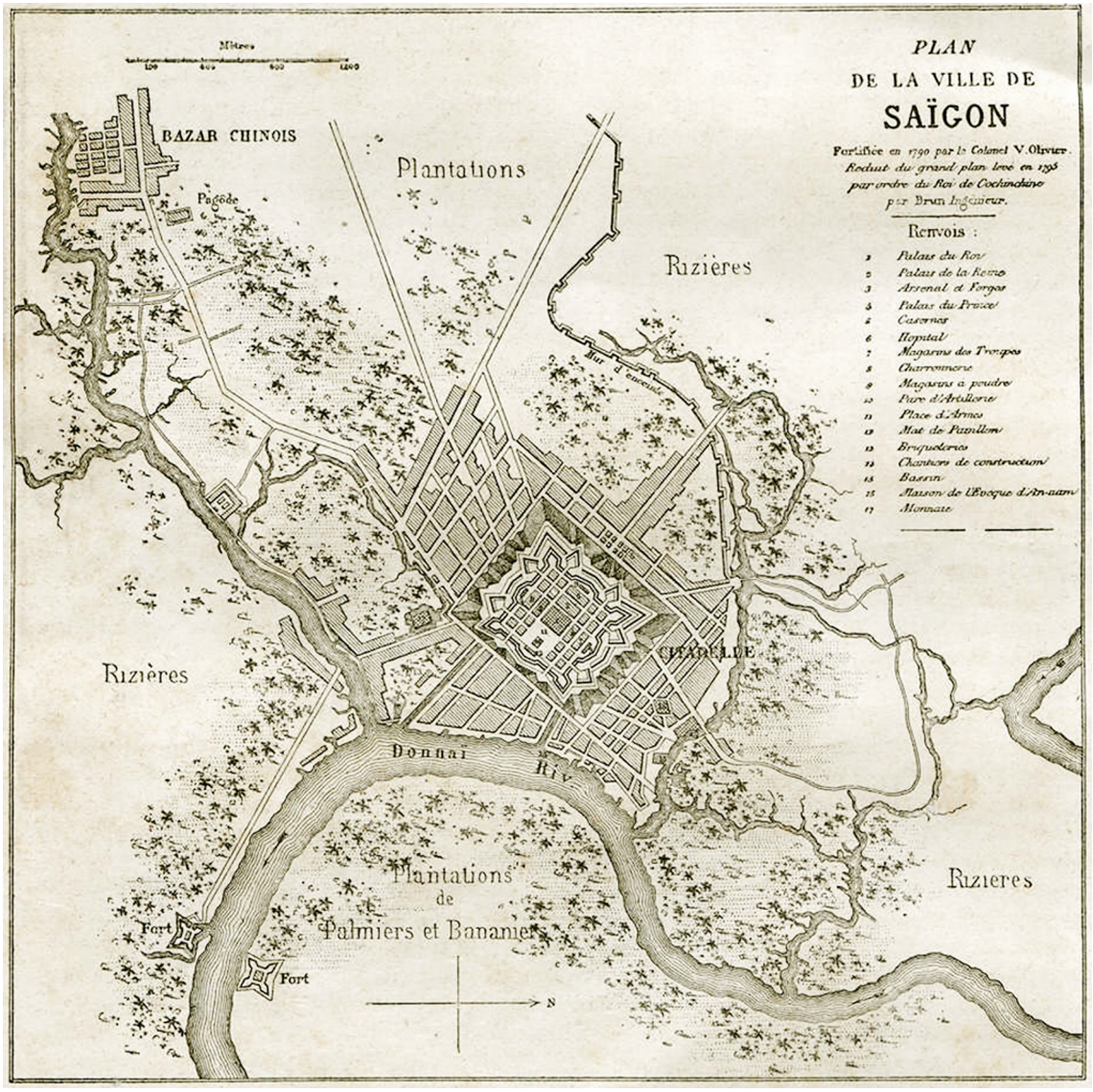

Bản đồ thành phố Sài Gòn do Brun vẽ năm 1795

bản đồ Brun 1795 với bản đồ Dayot-White [vẽ năm 1820 nhưng sao lại bản 1791] thì bản đồ Brun chỉ mở rộng ra chung quanh 4 phía tường thành mỗi bề từ 1 đến 2km và hoàn toàn không còn phần rất lớn ở phía tây nữa, tính ra chỉ còn khoảng 1/3 kế hoạch nguyên thủy. Chính vì thế mà bản kế hoạch này được mệnh danh là thu hẹp.

Bốn năm sau, chúng ta lại thấy có bản thiết kế 1799 mang tựa đề *Plan de la Ville de Saigon fortifiée en 1790 par le Colonel Victor Olivier, Reduit du Grand Plan Levé par Ordre du Roi en 1795 par Mr. Brun, Ingénieur de sa Majesté. Par Mr Dayot 1799*. [Bản thiết kế thành phố Sài Gòn. Do đại tá Victor Olivier củng cố phòng ngự năm 1790. Kỹ sư hoàng gia Brun phụng họa năm 1795 (thu hẹp bản Đại kế hoạch) theo lệnh của vua xứ Đàng Trong. Vẽ bởi ông Dayot năm 1799].

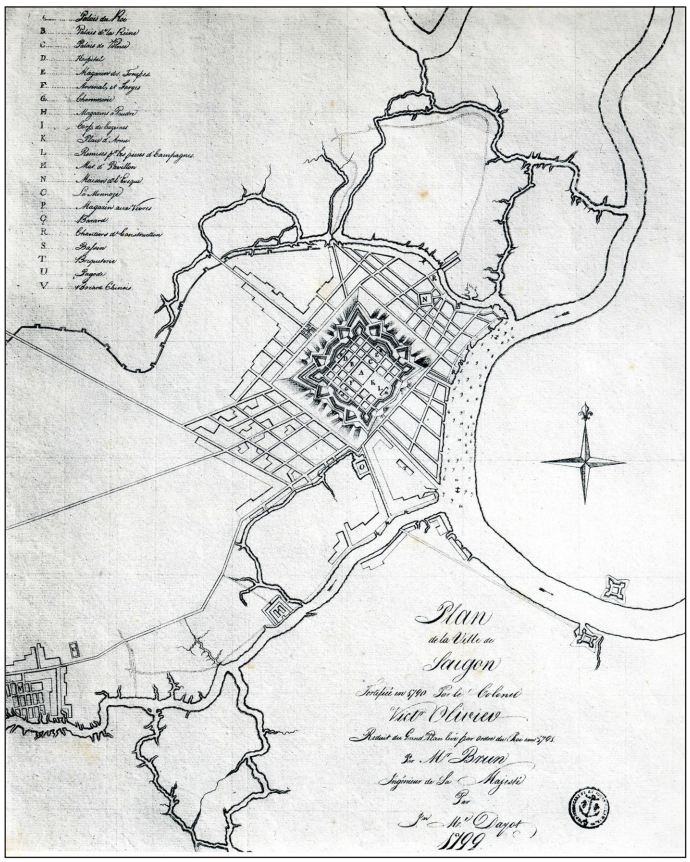

Bản đồ thành phố Sài Gòn do Dayot vẽ năm 1799

Bản thiết kế thứ hai này do Dayot vẽ năm 1799 cũng chủ yếu dựa theo bản của Brun đã thực hiện 4 năm trước đó (1795), nói chung không có gì khác biệt, chỉ bớt đi một số chi tiết chung quanh khu vực đô thị, các vườn dừa, chuối hay ruộng lúa... nhưng có thêm độ sâu của sông Đồng Nai ở nhiều nơi cạnh thành phố Sài Gòn. Cả hai bản đồ có những ghi chú rõ ràng Cung Vua (Palais du Roi), Cung Hoàng hậu (Palais de la Reine), Cung Thái tử (Palais du Prince), Nhà thương (Hopital), Trại lính (Magasin des Troupes), Kho súng và Lò đúc (Arsenal et Forges), Nhà để xe (Charonnerie), Kho thuốc đạn (Magasin à Poudre), Dãy súng thần công (Pare d'Artillerie), Kho khí giới (Place d'Armes), Kỳ đài (Mat de Pavillion), Lò gạch (Briqueteries), Công trường (Chantier de construction), Bãi tắm voi (Bassin), Đệ trạch của Bá Đa Lộc (Maison de l'Êveque d'An-nam), Kho bạc (Monnaie).

Nói chung, hai bản vẽ này là sơ đồ thiết kế thành Gia Định, có thêm một số đường sá và khu vực bao quanh nhưng không cho chúng ta biết rõ thời gian đó thành phố đã thực hiện được đến đâu vì không phân biệt được đâu là phần thiết kế (proposed plan) và đâu là bản đồ (existing map), những khu vực hay dinh thự còn trong dự tính xen với những kiến trúc đã hiện hữu.

Mãi đến năm 1815, sau khi vua Gia Long thống nhất đất nước và dời kinh đô ra Huế thì chúng ta mới có thêm một bản đồ do một kỹ thuật gia người Việt tên là Trần Văn Học[16] cũng vẽ theo phương pháp Âu Châu. Bản đồ đó có thành Quy và một số khu vực ở nam và đông nam tiếp giáp với sông Bến Nghé và rạch Thị Nghè bao phủ một khu vực rộng hơn bản của Brun nhưng không vẽ đường sá mà chỉ có các móng dinh thự (cadastral footprints) và có lẽ là một bản đồ vẽ thực địa trong khi hai bản vẽ của Brun và Dayot vẫn chỉ là bản thiết kế (plan) trong vòng dự tính mà chưa xây dựng xong. Đối chiếu với thực tế lịch sử, ngay từ năm 1792, chúa Nguyễn đã tập trung lực lượng vào việc tiến quân ra bắc đánh Tây Sơn nên không còn đủ nhân lực, tài lực xây dựng đô thị, vì thế đại kế hoạch phải thu hẹp nên sau gần 20 năm, việc kiến tạo thành phố Sài Gòn chưa được bao nhiêu.

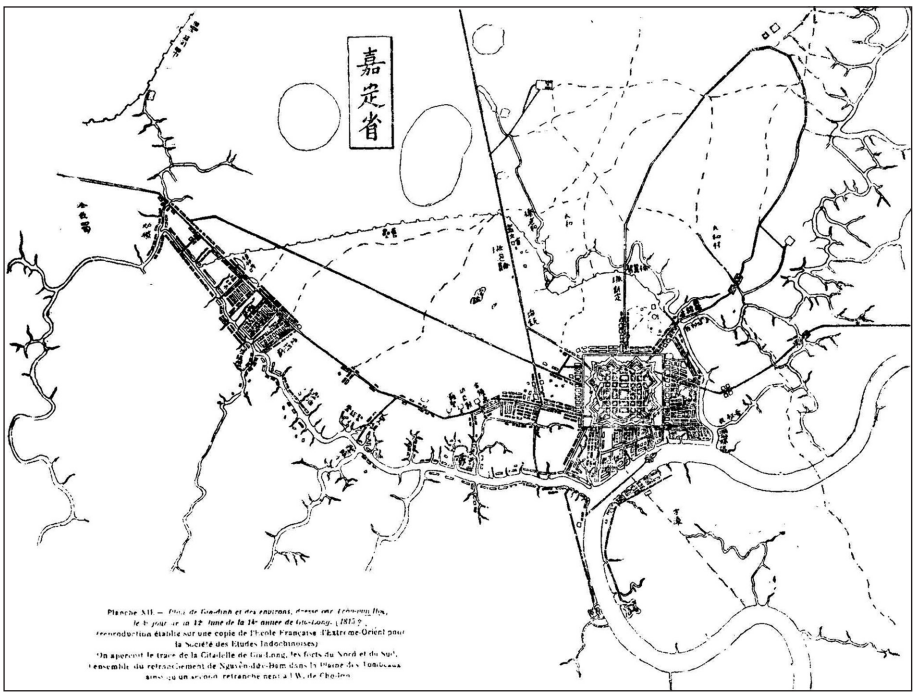

Bản đồ Sài Gòn (tỉnh Gia Định) do Trần Văn Học vẽ năm 1815 và do John White mô tả năm 1819.

Khi nghiên cứu về những bản đồ này, chúng ta thấy các họa viên và kỹ sư người Pháp đã áp dụng kỹ thuật mới mẻ nhất của thời đó nên độ chính xác khá cao, vượt trội những bản đồ trước đây liên quan đến khu vực Đông Dương và Đông Nam Á. So sánh với bộ bản đồ hiếm hoi mà vương quốc Thái Lan còn giữ được(17) [có niên đại sau các bản đồ này một vài chục năm] dựa theo phương pháp quan chiếu địa lý (geo-reference) thì chúng ta thấy bản đồ Sài Gòn chính xác hơn chứng tỏ đã được trắc địa bằng kỹ thuật tam giác (triangulation) là cách thức định vị trí, khoảng cách và cao độ chính xác mới phát minh và được áp dụng ở Âu Châu chưa lâu.

Những bản đồ đó không những vượt trội so với bản đồ của nước ta thời Lê mà còn hơn hẳn bản đồ thời Nguyễn trong bộ *Đồng Khánh địa dư chí*.(18) Cho tới đầu thế kỷ XX, những họa đồ của người Việt vẫn minh họa theo cách thức nhiều biểu tượng, ít hiện thực của Trung Hoa mà không theo một phương pháp kỹ thuật nào nên chỉ hình dung được mặt đất chứ không dùng để tính toán độ dài hay diện tích được.

Đứng về mặt kiến trúc, thành phố Sài Gòn cuối thế kỷ XVIII là thành phố Việt Nam đầu tiên được thiết kế và xây dựng theo mẫu Tây phương. John White cũng miêu tả khá chi tiết về sinh hoạt tại đây, một số đại lộ có cây trồng thành hàng dọc theo hai bên đường có tên là palmaria (mù u?), là "*một loại cây đẹp, giống như cây lê* [pear-tree], *có hoa trắng thơm nồng mà đến tháng mười, mười một thì tỏa ra rất xa*."(19)

Theo Trịnh Hoài Đức, thành phố Sài Gòn khi ấy "*đường sá chợ phố ngang dọc được sắp xếp rất thứ tự, bên trái là đường cái quan từ cửa Chấn Hanh qua cầu Hòa Mỹ đến sông Bình Đồng tới trấn Biên Hòa, đường cái quan bên phải gặp chỗ nào cong thì giăng dây để uốn thẳng lại, đầu từ cửa*

Tốn Thuận qua chùa Kim Chương, từ phố Sài Gòn đến cầu Bình An qua gò chùa Tuyên đến sông Thuận An. Bến đò Thủ Đoàn đưa qua sông Hưng Hòa, trải qua gò Trấn Định rồi đến gò Triệu. Đường rộng 6 tầm, hai bên đều trồng cây mù u và cây mít là những thứ cây thích hợp với đất này. Cầu cống thuyền bến đều luôn được tăng gia việc tu bổ, đường rộng suốt phẳng như đá mài, gọi là đường thiên lý phía nam".(20)

4. Thành trì phòng ngự

Năm 1789, giám mục Bá Đa Lộc đem hoàng tử Cảnh về lại Gia Định cùng với ba chiếc tàu thủy và một số người Pháp sang giúp chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn liền bắt tay vào việc xây dựng thành Gia Định.

Trịnh Hoài Đức trong *Gia Định thành thông chí* [quyển VI, Thành trì chí] miêu tả như sau:

Ngày 4 tháng 2 năm Canh Tuất thứ 13 (1790), tại chỗ gò cao thôn Tân Khai thuộc đất Bình Dương, ngài mới cho đắp thành bát quái như hình hoa sen, mở ra 8 cửa, có 8 con đường ngang dọc, từ đông đến tây là 131 trượng 2 thước ta, từ nam đến bắc cũng như thế, bề cao 13 thước ta, chân dày 7 trượng 5 thước ta, đắp làm ba cấp, tọa ngôi Càn, trông hướng Tốn. Trong thành, phía trước bên tả dựng Thái miếu, giữa làm sở hành tại, bên tả là kho chứa, bên hữu là Cục Chế tạo, xung quanh là các dãy nhà cho quan túc vệ ở. Trước sân dựng cây cột cờ ba tầng, cao 12 trượng 5 thước ta, trên có làm chòi canh vọng đẩu bát giác tòa, ở bên treo cái thang dây để thường xuyên lên xuống, trên ấy có quân ngồi canh giữ, có điều gì cần cảnh báo thì ban ngày treo cờ hiệu, ban đêm treo đèn hiệu canh gác, các quân cứ trông hiệu đó để tuân theo sự điều động.(21)

Tuy nhiên Trịnh Hoài Đức không đề cập đến việc khởi đầu được thiết kế như thế nào, nhất là nguyên nhân chiến lược của việc kiến tạo tòa thành quy mô đó. Frédéric Mantienne cho rằng khi biên soạn, họ Trịnh đã "*dè dặt loại bỏ những đề cập liên quan đến người ngoại quốc trong công tác này*".(22) Mantienne cũng ghi nhận là trong mấy trang tiểu sử Bá Đa Lộc và những người Âu theo giúp chúa Nguyễn [*ĐNCBLT*] cũng không nói gì đến việc đó.

Việc khởi đầu xây thành Gia Định tính ra khoảng 8 tháng sau khi Giám mục Bá Đa Lộc về lại Gia Định, một khoảng thời gian đủ dài để những kiến trúc sư người Pháp có thể đưa ra một mẫu hình đô thị (master plan) mặc dù vị trí chiến lược của thành Quy có thể do chúa Nguyễn quyết định. Sở dĩ chúng ta có thể khẳng định ảnh hưởng Âu Châu của thành Gia Định vì mô hình tường thành và các pháo đài hoàn toàn đúng như các kiểu mẫu tìm thấy trong bộ Britannica mà ở các nơi khác chưa hề có, cho thấy đây là một đột phá về kỹ thuật xây thành và phòng thủ thời đại đó.

Vào khoảng 1673, trưởng kỹ sư binh bị của vua Pháp Louis XIV là Sebastien Le Prestre de Vauban đưa ra một dự án cải cách phương thức phòng ngự. Ông nghiên cứu suốt 30 năm và thuyết phục Pháp hoàng kiến trúc hoặc xây lại 133 thành lũy ở biên phòng thông với đất địch. Những thành lũy đó có quy mô lớn đủ để chứa đựng quân nhu và binh sĩ trong cả

công tác bảo vệ lẫn tấn công. Việc phòng thủ hiệu quả cũng còn làm gia tăng được số quân chiến đấu để điều động vào những mặt trận khác.(23)

Theo những tài liệu của người Pháp, thành Gia Định do Theodore Lebrun họa kiểu và Victor Olivier de Puymanel thiết kế. Trong lá thư của De Guignes gởi Bộ Ngoại giao Pháp đề ngày 29 tháng 12 năm 1791 còn tàng trữ tại Hồ sơ Bộ Hải ngoại về Á Châu, trích lại theo Frédéric Mantienne thì có khoảng ba vạn nhân công được điều động để xây thành, dân chúng vì bị đè nén quá nên đã nổi loạn.(24)

John White đến Gia Định năm 1819 [vào thời kỳ mà vua Gia Long còn sống nhưng đang ở Huế] miêu tả như sau:

...Chúng tôi tới một chiếc cầu đẹp làm bằng đá và đất bắc ngang một hào rộng và sâu, dẫn đến cửa đông nam của tòa thành, hay chính xác hơn, một quân trấn vì các bức tường đều bằng gạch và đất cao khoảng 6 mét, dày vô cùng, vây quanh một khu vực hình tứ giác mà mỗi bề đến hơn 1km.

Nơi đây viên tổng trấn(25) *và các võ quan ở, ngoài ra có những doanh trại khang trang, tiện nghi đủ sức chứa đến năm vạn quân. Dinh vua ở nằm ở giữa thành trên một vùng đất xanh tươi tổng cộng chừng 8 mẫu chung quanh có hàng rào cao. Dinh thự đó hình chữ nhật, một bề 30, một bề 18 mét, xây chủ yếu bằng gạch với mái hiên có che mành, cao hơn mặt đất chừng 1,8 mét trên một nền gạch và đi lên bằng những bậc thang gỗ chắc chắn.*

Mỗi bên bốn bề của cung điện cách chừng 30 mét ở đằng trước là một tháp canh hình vuông, cao khoảng 9 mét, bên trên treo một cái chuông lớn. Ở phía sau dinh cách chừng 45 thước là một cung điện cũng bề thế không kém, bao gồm những phòng cho các bà và những văn phòng đủ loại, mái lợp ngói tráng men, trang trí bằng hình rồng phượng và các quái thú chẳng khác gì ở Trung Hoa.(26)

Theo các thương nhân Âu Châu có dịp ghé Gia Định và họa đồ của thành phố Sài Gòn còn lưu lại, thành Quy xây bằng đá, chu vi đo được 4.176m. Trịnh Hoài Đức viết:

...Hào rộng 10 trượng 5 thước, sâu 14 thước ta, có cầu treo thả ngang qua, bên ngoài đắp lũy đất, chu vi 794 trượng, vừa hiểm trở, vừa kiên cố tráng lệ.(27)

Thành được xây theo hình đa giác, có bốn hướng chính, bốn góc là bốn pháo đài, ba cạnh lại có thêm hai pháo đài phụ, tổng cộng cả thảy là mười. Thành được đặt tên theo tám hướng Càn Nguyên, Ly Minh, Chấn Hanh, Cấn Chỉ, Khôn Hậu, Khảm Hiểm, Đoài Duyệt, Tốn Thuận. Việc dung hợp và pha trộn giữa Đông và Tây trong kiến trúc tương đối khá phổ biến tại Đông Á thời kỳ này. Do đó thành Quy được đặt tên theo bát quái, lại miêu tả như hình hoa sen.

Theo Trương Vĩnh Ký, thành Quy và các cầu xây bằng đá Biên Hòa, tường cao 5,2m, giữa có kỳ đài, tám cửa có tên Gia Định, Phan Yên, Vọng Khuyết, Cộng Thìn, Hoài Lai, Phục Viễn, Định Biên, Tuyên Hóa.(28)

Việc tổ chức lại thành Gia Định theo kiểu Vauban đã có những kết quả tốt. Tuy về sau quân Tây Sơn không còn tấn công vào Gia Định nhưng thành Quy đã chứng minh được sự hữu hiệu trong công tác phòng thủ khi Lê Văn Khôi làm phản, quân triều đình vây thành hơn 3 năm mới hạ được. Năm 1836, thành Quy bị phá hủy và triều đình cho xây lại một thành nhỏ hơn, chỉ có bốn cạnh gọi là thành Phụng.

5. Cải cách quân sự

- Trang bị

Nhờ tình hình tài chánh khả quan, ngay từ năm 1791, chúa Nguyễn đã mua được 10.000 súng trường (muskets), 2.000 súng thần công (mỗi cỗ 100 cân) và 2.000 đạn nổ (đường kính 10 tấc).[29]

Khi quay trở về cái cửa nam lớn mà chúng tôi đã vào, chúng tôi đi qua một hàng hiên rộng,[30] *bên dưới xếp khoảng 250 khẩu thần công, nhiều kích cỡ và kiểu khác nhau, hư mục nhiều mức độ, lắm cái đúc bằng đồng, chủ yếu là do Tây phương chế tạo, thường được đặt trên các giá gỗ để trên tàu.*

Trong số này chúng tôi thấy có một dãy chừng độ một tá [dozen] *đại bác pháo binh trên có dấu hiệu ba bông hoa huệ* [fleurs de lis] *và khắc chữ được đúc dưới thời Louis XIV*[31] *còn trong tình trạng khả quan. Gần đó có một số súng giả bằng gỗ để cho lính tập và ở đồn gác chính, gần cổng ra có mấy người lính bị đóng gông* [caungue (sic)]. *Đến bây giờ chúng tôi mới biết gông dùng cho quân đội làm bằng tre còn những tội nhân khác thì làm bằng gỗ lim nặng. Phía bắc của cửa đông là một pháo đài có cột cờ, nơi đó cờ An Nam treo lên ngày đầu tháng âm lịch và những dịp lễ khác.*

Có tất cả bốn cửa làm rất kiên cố tán đinh sắt theo kiểu Âu Châu, có cầu bắc ngang hào nước được trang trí bằng nhiều chạm nổi đủ loại kiểu cách quân sự và tôn giáo trên các vách. Trên mỗi cửa có các vọng lâu vuông, mái ngói và cầu thang đi lên trên tường ở hai bên cửa phía bên trong thành.

Ở khu vực phía tây thành phố là một nghĩa địa có tường vây quanh, bên trong có vài ngôi lăng mộ của mấy viên quan xây rất tráng lệ theo kiểu Trung Hoa. Một vài nhà mồ có khắc chữ và phù điêu trên đá, đường nét ngoạn mục.

Khu vực đông bắc có sáu tòa nhà lớn, có rào chung quanh, căn này cách rời căn kia. Mỗi biệt thự đó vào khoảng 36x24 mét, mái có những rui mè rất chắc chắn, lợp ngói tráng men, có cột bằng gạch, giữa hai cột có vách gỗ chắc chắn cao chừng 5,4 mét. Đây là các kho chứa đồ tiếp liệu cho binh lính và hải quân, thực phẩm, khí giới...

Nhiều lều của các nhóm binh lính đóng rải rác bên trong tường, nằm lẩn với các bụi cây nhiệt đới trông rất nên thơ. Ngoài những thứ khác, chúng tôi cũng thấy có mấy đống phân chồn. Nhiều đường đi đẹp tỏa ra tứ phía, hai bên có trồng cây palmaria, một loại cây đẹp, giống như cây lê [pear-tree], *có hoa trắng thơm nồng mà đến tháng mười, mười một thì tỏa ra rất xa. Từ hoa này, người dân bản xứ trích ra một loại dầu mà họ bảo là chữa được mọi thương tích.*

Ngoài cửa thành dưới triền dốc mà con đường gạch bị cắt đứt có thả rong vài con voi của triều đình có nài chăn, ngồi trên cổ voi. Vài con trong số này có thân hình khổng lồ, lớn hơn những con voi tôi thấy ở Ấn Độ nhiều. Những người nài - đúng hơn là người đi chăn - cầm một cái ống gỗ bịt hai đầu, chính giữa có một cái lỗ mà họ thổi thành tiếng giống như thổi vào một cái thùng rỗng để nhắc chừng cho người đi đường biết là voi đang tới vì họ ít khi nào muốn mất công phải lái voi qua hướng khác khi gặp chướng ngại, và quả thật tức cười khi thấy mấy bà già đang buôn bán khi nghe thấy tiếng hụ lập tức thu dọn hàng hóa chạy ra một quãng xa trong khi voi xuống bờ sông uống nước rồi quay về.(32)

- Hệ thống tổ chức

Lính Đàng Trong thế kỷ XIX vẽ năm 1845.
Nguồn: *www.periodpaper.com*

Quân đội theo hệ thống Tây phương được đánh giá trên hai ưu điểm: trang bị và hệ thống tổ chức. Theo một tấm ảnh màu vẽ hình một người lính Đàng Trong vào cuối thế kỷ XVIII, người lính thời Nguyễn về ngoại hình rất giống một người lính Pháp và chúng ta có thể tin rằng y phục và trang bị đó là một phó bản của Âu Châu.(33) Việc thống nhất trang bị, huấn luyện và quân phục ngay từ đầu khiến quân đội của Nguyễn Ánh đã có vẻ chuyên môn, khác hẳn với quân đội Tây Sơn mà theo những hình ảnh William Alexander bắt gặp năm 1793 tại Tourane (Đà Nẵng) thì vẫn rất gần gũi với dạng dân quân (militia) trông như một người dân bình thường, chỉ khác ở chỗ có trang bị vũ khí.(34)

Tổ chức cũ thường phong cấp dựa trên số quân sĩ mà một cá nhân tự mộ tuyển, giống như một dạng thân binh, tùy tòng nên việc thống nhất chỉ huy thường lỏng lẻo, dễ đưa đến nạn sứ quân. Một khi chủ tướng bị thất sủng hay bị giết, quân sĩ dưới quyền thường tách ra, có khi chống lại triều đình [chẳng hạn quân Đông Sơn của Đỗ Thanh Nhân]. Vì thế, việc đầu tiên chúa Nguyễn thay đổi theo lối Tây phương là thống nhất chỉ huy theo hệ thống kim tự tháp, chỉ định những cá nhân có thực tài và am tường chuyên môn vào vị trí chỉ huy hoặc thường trực, hoặc theo chiến dịch. Với kiến thức của chúng ta ngày nay, việc bổ nhiệm tướng lãnh đó không có gì ghê gớm nhưng trước đây hai thế kỷ là một cuộc cách mạng lớn lao.

Trong quân đội của chúa Nguyễn đã xuất hiện những cá nhân đóng vai trò khá đặc biệt bất kể gốc tích là hàng tướng hay người đã theo ông từ lâu, người Việt hay người nước ngoài, người trong tôn thất hay dân dã... khác hẳn với truyền thống sử dụng người gần gũi, có liên hệ thân tộc, huyết thống trong chức vụ chỉ huy để làm vây cánh. Những đơn vị cũng được ấn định rõ ràng về số lượng và nhiệm vụ thay vì tùy tiện theo nhu cầu.

Chúa Nguyễn cũng thiết lập một hệ thống tiếp liệu và lương bổng dựa vào thuế má thay vì chỉ dựa vào "chiến lợi phẩm" [mà có cái tên rất kêu là

"*dĩ lương ư địch*" (lấy lương thực của địch để nuôi quân mình)] không những đã bấp bênh mà lại dễ thất nhân tâm. Cải cách đó cũng khác hẳn với đối thủ của ông là quân Tây Sơn thường có khuynh hướng vơ vét hay đốt phá những vùng của địch mà họ chiếm được điển hình là những lần vào đánh Gia Định hay khi mới chiếm được Bắc Hà. Việc quân Xiêm sang giúp rồi trở thành một đám cướp lớn đưa đến thua trận cũng là một kinh nghiệm mà Nguyễn Ánh học được. Ngoài khả năng chiến đấu, chúa Nguyễn cũng thấy rằng nếu muốn duy trì một lực lượng thường xuyên và không tùy thuộc vào hoàn cảnh bên ngoài, quân đội phải được chính quy hóa nghĩa là được huấn luyện chu đáo và chỉ được sử dụng vào công tác chiến đấu mà thôi. Một số lực lượng của ông là người nước ngoài được tuyển mộ và trả lương giống như những "lính đánh thuê" mà ông thấy hiện hữu ở lân bang, mặc dù sử Việt Nam sau này ghi nhận họ như những đội quân tình nguyện.

Nhờ mạng lưới truyền giáo tại Á Đông, Bá Đa Lộc giúp chúa Nguyễn mua được "*vài tàu súng ống và đạn dược*" [several cargoes of arms and ammunitions] ở Pondichery và Mauritus. Chúa Nguyễn cũng có thể gửi một số tay chân thân tín người Hoa, người Pháp và người Anh đi sang Goa, Melaka, Penang, Macao và cả Singapore để mua các loại súng mới.(35) Với một thành phần phò tá tương đối đa dạng,(36) việc sử dụng được họ mà không tạo ra những mâu thuẫn về sắc tộc, về địa phương có thể nói là một thành công đáng kể của chúa Nguyễn vì cũng trong thời kỳ đó, đối phương của ông lại rơi vào những tranh chấp cục bộ nên càng lúc càng rơi vào thế tự hoại.

Theo Barrow, chúa Nguyễn đích thân chỉ huy một đoàn chiến thuyền 1.200 chiếc chia thành ba đội và được thao dợt chỉ huy bằng cờ hiệu rất nhịp nhàng. Các sĩ quan hải quân cũng được học cách sử dụng cờ hiệu theo lối Tây phương.(37)

- Xây dựng cơ xưởng

Trong một khoảng thời gian tương đối ngắn, chúa Nguyễn đã tập trung xây dựng những cơ xưởng đúc súng đạn, nhất là chế tạo chiến thuyền. Theo ghi nhận của người Âu Châu, Bá Đa Lộc đã giúp chúa Nguyễn xây dựng nhiều cơ sở hạ tầng, vừa có giá trị kinh tế, vừa phục vụ mục tiêu quân sự. Vào khoảng thập niên 1790, chúa Nguyễn xây dựng một nhà máy chế tạo diêm tiêu (salpetre hay potassium nitrate), khai mỏ và lò luyện kim để đúc súng thần công. Diêm tiêu là hỗn hợp quan trọng nhất trong việc chế tạo thuốc súng vốn phong phú ở Á Châu nhưng lại khó kiếm ở Âu Châu.(38) Việc sản xuất diêm tiêu đã góp phần lớn vào việc xây dựng một quân đội độc lập, ít tùy thuộc vào cung cấp từ bên ngoài.

Bá Đa Lộc cũng giúp Nguyễn Ánh lập những lò sản xuất hắc ín, keo... dùng trong việc đóng thuyền. Các công tác này có tiếng vang ra tới bên ngoài nên đã có lúc đất Gia Định nổi tiếng về đường mía và kỹ nghệ đóng tàu chiến.

Theo John Barrow thì để có thể tường tận về thực hành cũng như lý thuyết cấu trúc đóng thuyền, Nguyễn Ánh đã mua hẳn một chiếc tàu của

người Bồ Đào Nha chính tay tháo rời từng mảnh, từng tấm ván, sau đó chế tạo những mảnh ni tấc y hệt như thế đem thay vào từng bộ phận một cho tới khi hoàn toàn là một chiếc tàu mới.(39) Theo những người được mục kích lối làm việc của Nguyễn Ánh, ông có kiến thức và phương pháp của một kỹ sư thời nay hơn là cung cách sinh hoạt của một vương gia. Hai mươi năm sau, John White cũng kinh ngạc về xưởng đóng tàu của Đàng Trong ở Gia Định:

...Về phía đông bắc của thành phố, trên bờ một con rạch sâu là xưởng thủy quân và kho đạn, nơi mà trước đây khi có loạn [tức thời Tây Sơn] *đã đóng một số đại hiệu* [war-junks] *và hai chiến hạm* [frigates] *theo kiểu Âu Châu, dưới quyền giám thị của các sĩ quan người Pháp. Công trình này khiến người An Nam hãnh diện hơn hết thảy trên toàn cõi và quả là có thể sánh ngang với nhiều xưởng đóng tàu tại Âu Châu. Không có những chiến thuyền lớn được đóng hay đang đóng ở đây nhưng thấy có rất nhiều vật liệu tốt đủ để đóng vài ba chiến hạm. Gỗ đóng tàu và những phiến ván tôi thấy tốt hơn hết những gì tôi đã gặp. Tôi đo thử một tấm ván, ni tấc của nó là 32,7 mét, dày hơn một tấc, vuông vức từ đầu chí cuối mà bề rộng là 6 tấc. Phiến gỗ đó cưa từ một cây teak* [?] *mà tôi tin rằng không một nơi nào trên thế giới có được những cây khổng lồ như ở Đàng Trong. Tôi đã thấy ở ngoài đồng một cây lớn đủ làm một cái cột buồm chính cho một chiến hạm, không có mấu mà theo tôi biết thì không phải là chuyện khác thường ở xứ này.*

Có vào khoảng 150 tiểu hiệu [chiến thuyền nhỏ, gallies] *được đóng đẹp vô cùng kéo để trong các lán, mỗi chiếc dài từ 12 đến 30 mét, một số có gắn 16 đại pháo loại nòng đạn 3 pounds. Những chiếc khác thì gắn 4 hay 6 đại bác, nòng từ 4 đến 12 pounds, đều làm bằng đồng đẹp tuyệt trần. Ngoài ra cũng còn khoảng 40 tiểu hiệu khác để trên sông để chuẩn bị cho quan tổng trấn du ngoạn lên thượng nguồn sông khi ông ta từ Huế trở về. Hầu hết những chiến thuyền này có trang trí dát vàng và các hình chạm trổ, cắm cờ đuôi nheo sặc sỡ trông rất sống động, dễ ưa.*

Người An Nam phải nói là những người đóng tàu khéo léo nhất và hoàn thành công việc cực kỳ tinh xảo. Tôi rất thích phần bộ kinh tế có tính chính trị này nên vẫn thường đến xem cơ xưởng thủy quân.(40)

- Huấn luyện

Trước đây các cấp chỉ huy thường do tự tạo hay thiên tư mà không qua một chương trình đào tạo cụ thể. Nếu nói về mặt thực tế, chúa Nguyễn đã thành lập những quân trường huấn luyện binh sĩ đầu tiên theo kiểu Âu Châu. Theo truyền thống đào tạo võ quan ở phương Đông, các võ trường chỉ để thao tác cung kiếm, không được dùng để đào tạo binh sĩ hay tướng lãnh. Các kỳ thi võ chỉ để sát hạch ứng tuyển viên qua một vài bộ môn căn bản như cưỡi ngựa, bắn cung, xách tạ, múa sang [thương]... và thường do các quan văn làm chủ khảo. Theo John Barrow và John White, Bá Đa Lộc đã giúp Nguyễn Ánh thiết lập chương trình huấn luyện về tác xạ (doctrine of projectiles) và khoa học vũ khí (science of gunnary), trang bị cho sĩ quan và binh sĩ kiến thức chuyên môn sử dụng các loại súng ống.(41)

Bá Đa Lộc cũng phiên dịch sang chữ Hán một số binh thư, chiến thuật Tây phương để cho kịp với các cải tiến quân đội. Chúng ta thấy ở Gia Định khi đó đã có những cơ xưởng quan trọng phục vụ cho công tác quân sự bao gồm công xưởng đóng tàu, nhà máy làm thuốc đạn, hắc ín, và cả một lò đúc súng. Phần bộ đúc kim loại (foundery hay foundry) của Tây phương được tham khảo vì được đề cập khá kỹ càng trong bộ từ điển bách khoa (khoảng 4 trang 625-629, quyển II). Cá nhân chúa Nguyễn đích thân trông coi việc đóng tàu, làm việc chung với thợ thuyền còn những công việc khác giao lại cho các sĩ quan Tây phương. Một số kỹ thuật được coi là tân tiến nhất được nhập cảng trong đó có việc sử dụng đạn nổ [đạn đại bác nổ khi chạm đích], tàu bọc đồng [phần gỗ chìm dưới nước để được bền hơn], và còn toan dùng khinh khí cầu để công thành [tuy không dùng trong mục tiêu quân sự nhưng đã thí nghiệm cho dân chúng xem]... Về sau, khi đã lên ngôi, vua Gia Long cũng nhờ thương gia Pháp đặt cho ông một tàu chạy hơi nước là phát minh mới của Âu Châu thời đó khi họ đến buôn bán ở Huế chứng tỏ ông rất quan tâm đến các kỹ thuật tân tiến của thời đại.

Trước đây, các nhà nghiên cứu ít ai để tâm so sánh sự khác biệt hay tương đồng giữa binh pháp Tây phương và tổ chức quân sự thực tế ở khu vực Gia Định nên thường chỉ phớt qua mà không đi vào chi tiết. Việc áp dụng chiến thuật mới đồng thời kèm theo cải tổ cơ chế và huấn luyện nên quân đội Gia Định thời đó đã được tổ chức theo lối Tây phương.

Cuối thế kỷ XVIII, quân đội Âu Châu nói chung và nhất là quân đội Pháp đã có những bước nhảy vọt vượt hẳn tổ chức theo kiểu Á Đông. Ngay trước Cách mạng Pháp 1789, quân đội Pháp được coi là một trong những lực lượng tinh nhuệ được trang bị tối tân nhất thế giới, đặc biệt là bộ binh. Việc ảnh hưởng của Pháp do những sĩ quan hay binh sĩ mà Giám mục Bá Đa Lộc mang theo vô hình trung đã giúp chúa Nguyễn thủ đắc kỹ thuật và tổ chức quân đội từ một quốc gia tiến bộ, giúp ông lột xác để có đủ lực lượng tấn công ra bắc. So sánh giữa đường lối tổ chức cổ điển và canh tân chúng ta có thể đánh giá những cải cách quân sự của chúa Nguyễn và lượng định lại tương quan lực lượng một cách chính xác mà không bị cảm tính chi phối.

Kết luận

Một điều cho đến nay chúng ta biết khá chắc chắn: triều Nguyễn đã không công bằng với lịch sử. Không nói gì họ đã xuyên tạc, bóp méo và bịa đặt nhiều điều về thành phần đối nghịch với họ [Lê-Trịnh, Tây Sơn] ngay chính những người giúp đỡ triều đình - nói đúng hơn giúp cho chúa Nguyễn khôi phục vương vị - cũng không được nhắc đến một cách chính xác. Giám mục Pigneau de Béhaine chỉ được nhắc đến trong vỏn vẹn chưa đầy 600 chữ trong *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, quyển XXVIII. Những sĩ quan người Pháp thì hoàn toàn chỉ được biết đến qua vài cái tên đã dịch sang âm Hán-Việt và một số chi tiết không mấy nổi trội trong *Đại Nam thực lục*.

Nếu nhìn lại diễn tiến của chúa Nguyễn, chúng ta thấy rằng khi từ Bangkok chạy về, có lẽ ông cũng không thấy có hy vọng gì tranh hùng với đối

phương đang trong thời kỳ toàn thịnh, về cả tiếng tăm lẫn thực lực. Ông chỉ trông mong vào ngoại viện từ một nước xa xăm là nước Pháp do nỗ lực của vị thừa sai có thể vận động được tại Paris mà chưa có chủ định sẽ phải làm gì.

Đến khi Giám mục Bá Đa Lộc trở về, có lẽ sau những năm tháng qua lại và tiếp xúc với nhiều thành phần khác nhau, vị thừa sai đã tìm ra phương cách cải thiện tình hình để giới thiệu một chương trình biến miền Nam từ một vùng đầm lầy hoang vu thành một địa bàn phòng thủ chắc chắn, có thể giữ được khi quân Tây Sơn tấn công vào và cũng có thể làm bàn đạp tấn công ra bắc.

Vai trò và sự tham gia của Giám mục Bá Đa Lộc vào hệ thống quyền lực và chế độ thực dân ở nước ta vẫn còn là một đề tài mở với nhiều ý kiến và lập trường khác nhau, bênh và chống.

Thực tế, trong tình trạng phân tranh cuối thế kỷ XVIII, việc hồi sinh từ "*vô trung sinh hữu*" của Nguyễn Ánh là một điều kỳ diệu - nếu không bằng lòng với những tin tưởng về chân mệnh đế vương của ông thì phải công nhận rằng việc vượt qua được những chặng đường gian nan ấy không phải dễ.

Sau 10 năm bôn ba theo chúa Nguyễn trong những chiến dịch lớn, Giám mục Bá Đa Lộc tức Mgr. Pigneaux de Béhaine bị bệnh chết tại Quy Nhơn ngày mồng 9 tháng 10 năm 1799, hồi 10 giờ 30 sáng. Theo những người có mặt lúc lâm chung, ông hoàn toàn tỉnh táo cho đến khi trút hơi thở cuối cùng.(42)

Lăng mộ của Giám mục Bá Đa Lộc tại Sài Gòn. Nguồn: *nguyentl.free.com.*

Khi nghe tin Giám mục Bá Đa Lộc qua đời, chúa Nguyễn cho tẩm liệm và đưa xác về Đồng Nai. Linh cữu viên cố đạo được để tại nhà quàn hai tháng để cho các quan và giáo dân đến viếng. Ngày 16 tháng 12 là ngày hạ huyệt, có cả Nguyễn vương, đông cung và các phi tần, hoàng hậu đi đưa. Theo một số tài liệu thì ngoài 12.000 quân túc vệ còn có đến bốn vạn người, lương lẫn giáo, đi đưa đám ông. Chúa Nguyễn ban cho ông một sắc thư phong tặng ông làm Thái tử Thái phó Bi Nhu quận công, tên thụy là Trung Ý.

Cứ theo thuần lý, vị thừa sai này không phải là con người quân sự và có lẽ ông ta cũng không muốn mình tham gia quá nhiều vào công tác chiến tranh, trái với tiêu chuẩn và mục tiêu của một nhà truyền giáo.

Xét về những công trình và thành tựu của ông, ông có khả năng của một nhà cải cách hành chánh hơn là một tướng lãnh. Việc đưa ông vào một vai trò lấy thành, chiếm đất không hẳn là do tình nguyện mà vì chúa Nguyễn không muốn ông ở hậu phương với người con trưởng, sợ rằng có những biến

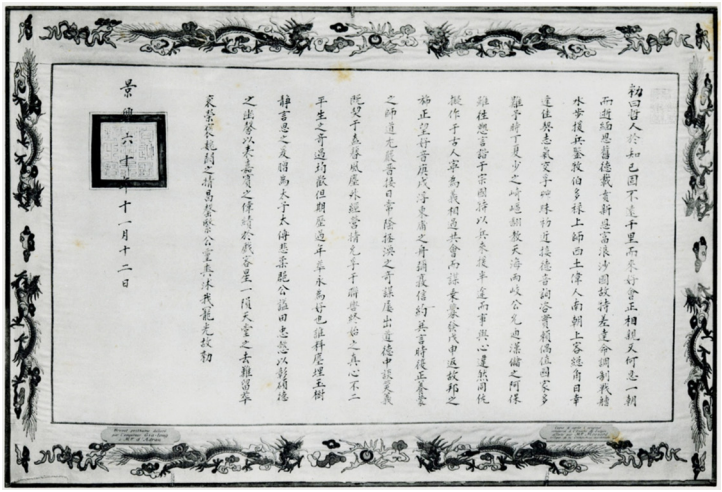

Bài điếu văn viếng Giám mục Bá Đa Lộc của vua Gia Long, ngày 8/12/1799.

động mà chúa Nguyễn không thể kiểm soát được, tương tự như biến cố Đông Sơn ngày nào.

Sự e ngại của chúa Nguyễn thực chất là từ đâu? Vì ông không muốn người ngoài ảnh hưởng đến ông hay thực sự ông muốn một nước Việt Nam độc lập? Với tất cả những điều người ta chép về ông sau này, có lẽ ông không muốn chia sẻ quyền hành với bất cứ ai, không những khi ông còn cầm quyền mà còn tính đến cả việc sau khi ông đã chết. Để ngăn ngừa hậu hoạn, ông đã lập tự từ rất sớm, mặc dầu các cháu nội ông cũng đã trưởng thành. John White đã viết:

Cái chết của Giám mục Adran, xảy ra một thời gian ngắn sau khi nội chiến chấm dứt[43] *là một đại họa cho xứ này, rất nhiều định chế tuyệt hảo của ông thiết lập bị bãi bỏ, nhiều luật lệ lành mạnh được đưa ra do ông bảo trợ trở thành lỗi thời; luân lý của quần chúng vì tình trạng nội loạn mà suy đồi, sa đọa nay được cải thiện, thương mại, nông nghiệp, nghệ thuật đã được hồi sinh và ở cuối chân trời đã lóe lên những tia hy vọng của xứ sở lâu nay bị dày vò và trở nên thưa thớt này.*

Chỉ trong một thời gian ngắn khi những việc lành này trôi qua và quả thật đây là một giai đoạn phù du, những thay đổi mà chỉ vài năm đã xoay chuyển được nay trở thành u buồn, hoang mang.

Nhà vua tuy cũng biết rằng toàn dân đều bất mãn nhưng ông vẫn theo đuổi những tham vọng chinh phục vốn nổi bật trong thời kỳ ông trị vì. <u>Năm nào ông cũng tìm cớ để gây chuyện với người bắc mà phần lớn đất đai của họ ông đã chiếm đoạt nhưng thực ra họ cũng chẳng khác gì một thuộc quốc</u> [người viết nhấn mạnh]*; và nay ông lại có tham vọng nhòm ngó đất Xiêm nên việc đào thêm con kinh mới cùng những dự án khác đang được thực hiện khi tôi ở đây - có thể nay đã hoàn thành - biểu hiện hướng đi đó.*[44]

Phải nói rằng đầu thế kỷ XIX, đất nước chúng ta có một cơ hội rất tốt để canh tân và đất Gia Định là một thí điểm tốt nếu được tiếp tục tiến hành những cải cách mà Giám mục Pigneau de Béhaine đưa ra. Tuy nhiên, sau khi lên ngôi, vua Gia Long không còn quan tâm đến việc đưa đất nước tiến lên mà ngược lại ông lại sợ người dân sẽ không còn phục tùng ông nữa.

Tất cả tài nguyên sức lực của đất nước nay trở thành một phương tiện để ông củng cố quyền hành và vị thế của vương triều Nguyễn. Trong suốt hai mươi năm tại vị, vua Gia Long chỉ tập trung vào một việc: xây dựng Kinh

thành Huế thành một pháo đài vĩ đại theo dạng thức Strasburg của Đức với 24 tháp súng, mỗi nơi đặt 36 khẩu thần công. Số nhân công thường trực là mười vạn người và có bốn vạn quân trú đóng.

Thế nhưng công việc canh tân chỉ đến thế, các vua kế tiếp sau Gia Long lại theo đuổi một chính sách bài Tây phương và ngả theo Trung Hoa, loại trừ mọi tiến bộ mà họ có được trong thời gian phục quốc để quay về mô hình nhà Thanh, một mô hình quân chủ lỗi thời và hủ bại.

Dẫu thế, cái ước mơ của vua Gia Long, của con cháu ông chỉ là ảo ảnh vì ở ngai vàng chưa hết được câu đầu trong bài *Đế hệ thi* thì vương triều Nguyễn đã cáo chung.

N D C

CHÚ THÍCH

(15) "Map of the River of Don-Nai from Cape St. James to the City of Saigon", from the original by M. Dayot, Hydrographer to the King of Cochin China 1791 with additions to 1820 by John White U.S.N. Thomas Suárez, *Early Mapping of Southeast Asia* (Periplus Editions (HK) Ltd., 1999), tr. 253.

(16) Một người Việt Nam tháp tùng Bá Đa Lộc sang Pháp và học được nhiều kỹ thuật châu Âu, bao gồm cả thiết kế đô thị, tổ chức hành chánh và nhiều bộ môn khoa học, trước đây đã có thời bị lầm thành Nguyễn Văn Học.

(17) Xem thêm Santanee Phasuk & Philip Stott, *Royal Siamese Maps: War and Trade in Nineteenth Century Thailand* (Bangkok: River Books Co. , Ltd., 2004).

(18) *Đồng Khánh địa dư chí* (同慶地輿志). Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin biên tập, (ba tập), Hà Nội: Thế giới, 2003.

(19) John White, sđd, tr. 225-6.

(20) Trịnh Hoài Đức, sđd, tr. 217.

(21) Trịnh Hoài Đức, sđd, tr. 216-7.

(22) ...*carefully omitted any reference to foreigners or their achievements*. Frédéric Mantienne, tài liệu đã dẫn, tr. 523.

(23) Geoffrey Parker, *The Military Revolution: Military Innovation and the Rise of the West 1500-1800*. (Cambridge University Press, 1996) tr. 42-3.

(24) Frédéric Mantienne, "The Transfer of Western Military Technology to Vietnam in the Late Eighteenth and Early Nineteenth Centuries: The Case of the Nguyễn" (Cambridge University Press: *Journal of Southeast Asian Studies*, Vol. 34, No. 3, October, 2003) tr. 522.

(25) Nguyên tác Viceroy tức Phó vương.

(26) John White, sđd, tr. 200-1.

(27) Trịnh Hoài Đức, sđd, tr. 217.

(28) M.P. Trương Vĩnh Ký. *Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs* (Saigon: Imprimerie Coloniale, 1885), tr. 7.

(29) Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong* (Văn học, 2001) tr. 529 và *Đại Nam thực lục* (Chính biên, Đệ nhất kỷ, Quyển V) (bản dịch Viện Sử học, 2002) tr. 272. Đạn đại bác nổ khi tới đích là một phát minh lớn và chỉ mới được sử dụng một thời gian ngắn trước khi chúa Nguyễn trang bị cho quân Gia Định. Theo Ivan V. Hogg trong *The Illustrated History of Ammunition* (New Jersey: Chartwell Books Inc., 1985) thì đạn nổ được Captain Mercier dùng trong trận vây hãm Gibraltar và sau đó được Shrapnel cải tiến năm 1784, áp dụng rộng rãi trong chiến tranh từ năm 1792 (tr. 28). Năm 1792, theo những tin tức truyền ra Đàng Ngoài, Nguyễn vương có cả tàu bọc đồng và khinh khí cầu. Có thể nói Nguyễn Ánh đã đem những kỹ thuật quân sự mới mẻ nhất trên thế giới vào công cuộc khôi phục qua trung gian những người ngoại quốc mà ông có dịp tiếp xúc.

(30) Nguyên tác là bungalo[w], một loại hành lang chỉ có mái che, không có vách.

(31) Vua Pháp trị vì rất lâu (1643-1715) ở thời kỳ thịnh trị.

(32) John White, sđd, tr. 224-6.

(33) Một điều đáng lưu ý là hình ảnh "*đầu đội nón dấu vai mang súng dài*" ấy chỉ mới xuất hiện trong quân đội Việt Nam trong khoảng 200 năm gần đây thì lại được sử dụng để miêu tả người lính nước ta trong suốt chiều dài lịch sử, kể cả những chiến sĩ từ thời Hai Bà Trưng trong các truyện lịch sử hay ở các buổi tế lễ, chỉ khác là thay vì mang súng thì cầm giáo, cầm gươm.

(34) Ở đây chúng tôi không nói đến những đội thân binh mặc áo đỏ, cờ đỏ mà người ta thường miêu tả như một đặc trưng của quân đội Tây Sơn. Hình ảnh này chỉ áp dụng cho một số đơn vị chứ không phải là toàn bộ vì đa số quân Tây Sơn thuộc dạng dân quân, trang bị và y phục rất tùy tiện.

(35) Li Tana, "The Water Frontier: An Introduction", *Water Frontier: Commerce and the Chinese in the Lower Mekong Region, 1750-1880* (ed. Nola Cooke và Li Tana) (Singapore: Singapore University Press, 2004) tr. 4 (reprinted in USA by Rowman & Littlefield Publishers, Inc., 2004).

(36) Chúa Nguyễn đã gởi nhiều phái đoàn đi các nước chung quanh như Cao Miên, Xiêm La, Ấn Độ, Mã Lai [Melaka], Phi Luật Tân, Ma Cao và Pháp, trao đổi và giao thiệp với người Anh, người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hòa Lan, Pháp... Xem thêm Wynn Wilcox, "Transnationalism and Multiethnicity in the Early Nguyễn Ánh Gia Long Period", *Việt Nam: Borderless Histories,* tr. 194-216.

(37) John Barrow, sđd, tr. 274.

(38) Ivan V. Hogg, *The Illustrated History of Ammunition* (New Jersey: Chartwell Books Inc., 1985) tr. 15-6.

(39) *It is stated, on what appears to be good authority, that, in order to obtain a thorough knowledge of the practice as well as theory of European naval architecture, he purchased a Portugueze vessel, for the sole purpose of taking in pieces, plank by plank, with his own hands, fitting in a new piece of similar shape and dimensiona as the old one he removed, till every beam, timber, knee and plank had been replaced by new ones of his own construction, and the ship thus completely renovated*. John Barrow, sđd, tr. 277.

(40) John White, Sđd, tr. 234-6.

(41) *...The officers of the navy were instructed in naval tactics by Frenchmen; his army was divided into regular regiments; military schools were established, and the officers taught the science of gunnery.* John White, *History of a Voyage to the China Sea* (Boston: Wells and Lilly, 1823), tr. 94. *He distributed his land forces into regular regiments, established military schoool, where officers were instructed in the doctrine of projectiles and gunnery by European masters*. John Barrow, sđd, tr. 274.

(42) Adrien Launay, *Histoire de la Mission de Cochinchine 1658-1823* [Documents Historiques III: 1771-1823] (Paris, Anciennes Maisons Charles Douniol et Retaux, 1925), tr. 374.

(43) Chi tiết này sai, Giám mục Pigneau de Béhaine chết năm 1799, hai năm trước khi nhà Tây Sơn bị diệt vong.

(44) John White, Sđd, tr. 262-3.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. Folliot. *Notions sur l'histoire de l'Annam et sur les résultats de l'occupation Française.* Saigon: Imprimérie-Libraire Claude & Cie., 1905.
2. Barrow, John. *A Voyage to Cochinchina*. (historical reprints) Kuala Lumpur: Oxford University Press, 1975.
3. Blofeld, John. *Bangkok*.: Amsterdam: TIME-LIFE International (Nederland) B.V., 1979.
4. Boudet, Paul và André Masson. *Iconographie Historique de l'Indochine Française*. Paris: Les Éditions G. Van Oest, 1931.

5. Chula Chakrabongse [Prince of Thailand]. *Lords of Life: A History of the Kings of Thailand.* London: Alvin Redman, 1967 (rev. edition).
6. Cooke, Nola và Li Tana (chủ biên). *Water Frontier: Commerce and the Chinese in the Lower Mekong Region, 1750-1880* (ed. Singapore: Singapore University Press, 2004, tr. 4 (reprinted in USA by Rowman & Littlefield Publishers, Inc., 2004).
7. Dronet, J. B. *Vua Gia Long*. Hongkong: Imprimérie de Narazeth, 1913.
8. *Đồng Khánh địa dư chí* (同慶地輿志). Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin biên tập, (ba tập), Hà Nội: Thế giới, 2003.
9. *Encyclopaedia Britannica*. [3 volumes] England: Edinburgh, 1771 (first edition).
10. Faure, Alexis. *Les Français en Cochinchine au XVIIIè Siècle: Monseigneur Pigneau de Béhaine, Evêque d'Adran (1741-1799)*. Paris: Librairie Coloniale, 1891.
11. Flood, Thadeus & Chadin (trans. & edited). *The Dynastic Chronicles Bangkok Era The First Reign* (Chaophraya Thiphakorawong Edition). Volume One: Text. Tokyo: The Centre for East Asian Cultural Studies, 1978.
12. Hogg, Ivan V. *The Illustrated History of Ammunition*. New Jersey: Chartwell Books Inc., 1985.
13. Khuyết danh. *Sử ký Đại Nam Việt* (Annales Annamites). Saigon: Nhà dòng Tân Định (Imprimerie de la mission à Tân Định), 1909. (Nhóm Nghiên Cứu Sử địa Việt Nam in lại, Sài gòn, 1974, tái bản Montreal, 1986).
14. Kostof, Spiro. *The City Shaped: Urban Patterns and Meanings Through History*. Boston. Toronto. London: A Bulfinch Press Book, Little, Brown and Company, 1991.
15. Lamb, Alastair. *The Mandarin Road to Old Hué: Narratives of Anglo-Vietnamese Diplomacy from the 17th century to the eve of the French Conquest*. London: Chatto & Windus, 1970.
16. Launay, Adrien. *Histoire de la Mission de Cochinchine 1658-1823* [Documents Historiques III: 1771-1823] (Paris, Anciennes Maisons Charles Douniol et Retaux, 1925).
17. Mantienne, Frédéric. *Les Relations Politiques et Commerciales entre la France et la Péninsule Indochinoise (XVIIIe siècle)*. Paris: Les Indes Savantes, 2003.
18. Nam Phong tạp chí
19. Nguyễn Đình Đầu. *From Saigon to Ho Chi Minh City: 300 year history*. Hà Nội: Science and Technics Pub. House, 1998.
20. Parker, Geoffrey. *The Military Revolution: Military Innovation and the Rise of the West 1500-1800*. Cambridge University Press, 1996.
21. Phan Khoang. *Việt sử xứ Đàng Trong.* Hà Nội: Nxb Văn học, 2001.
22. Phasuk, Santanee & Philip Stott, *Royal Siamese Maps: War and Trade in Nineteenth Century Thailand*. Bangkok: River Books Co. , Ltd., 2004.
23. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí*, tập V (bản dịch Phạm Trọng Điềm) Huế: Thuận Hóa, 1997.
24. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục,* tập 1 (bản dịch Viện Sử học). Hà Nội: Nxb Giáo dục, 2002.
25. Suárez, Thomas. *Early Mapping of Southeast Asia*, Periplus Editions (HK) Ltd., 1999.
26. Tana, Li. "The Water Frontier: An Introduction", *Water Frontier: Commerce and the Chinese in the Lower Mekong Region*, 1750-1880 (Nola Cooke và Li Tana biên tập). Singapore: Singapore University Press, 2004 (reprinted in USA by Rowman & Littlefield Publishers, Inc., 2004).
27. Tài liệu trên internet http://belleindochine.free.fr/PigneauxDeBehaine.htm
28. Thái Văn Kiểm. *The Twain Did Meet- First Contacts Between Vietnam and the United States of America*. Republic of Vietnam, Department of National Education, 1960.
29. Tran Tuyet Nhung & Anthony Reid (ed.) *Việt Nam: Borderless Histories*. Madison: The University of Wisconsin Press, 2005.

30. Trịnh Hoài Đức. *Gia Định thành thông chí* [bản dịch Lý Việt Dũng]. Biên Hòa: Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 2005.
31. Trương Bá Cần (chủ biên). *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam* (tập I & II). Hà Nội: Nxb Tôn giáo, 2008.
32. Trương Vĩnh Ký M.P. *Souvernirs Historiques sur Saigon et ses Environs (Conférence faite au collège des interprètes)*. Saigon: Imprimerie Coloniale, 1885.
33. Vương Hồng Sển. *Sài Gòn năm xưa.* Calif: Xuân Thu, không đề năm (in lại theo lối ảnh ấn bản Sài gòn: Khai Trí, 1968).
34. White, John. *A Voyage to Cochin China*. Kuala Lumpur: Oxford University Press, 1972 (in lại bản của Longman, Hurst, Rees, Orme, Brown, and Green, Paternoster-Row năm 1824).
35. Yang, Baoyun. *Contribution à l'histoire de la principauté des Nguyên au Vietnam méridional (1600-1775)*. Genève: Olizane/Etudes Orientales, 1992.

TÓM TẮT

Cho đến nay, việc nghiên cứu, đánh giá vai trò của Giám mục Bá Đa Lộc đối với sự nghiệp khôi phục vương triều Nguyễn vẫn còn là một đề tài mở với nhiều ý kiến và lập trường khác nhau, bênh và chống. Nhiều người kết án Giám mục Bá Đa Lộc có đầu óc thực dân đã mở đường cho cuộc xâm lăng Việt Nam của thực dân Pháp nhưng số khác lại cho rằng ông thuần túy chỉ là một vị thừa sai, những việc ông giúp Nguyễn Ánh ngoài tình bạn cũng chỉ nhằm mục tiêu được dễ dàng hơn trong việc truyền giáo sau này.

Trong biên khảo này, tác giả điểm lại khá chi tiết vai trò của Giám mục Bá Đa Lộc và những người Âu khác trong việc du nhập văn minh phương Tây vào công cuộc cải cách của Nguyễn Ánh tại vùng đất Gia Định. Theo tác giả, vào cuối thế kỷ 18, tại miền Nam nước ta đã hình thành một quốc gia với đầy đủ cơ chế, dung hợp thực lực bản địa với ba nguồn ngoại lực: từ Trung Hoa của những người di dân gốc nhà Minh, từ Xiêm La mà Nguyễn Ánh đã lưu ngụ rút tỉa kinh nghiệm chiến đấu, từ Tây phương do các vị thừa sai và những người Âu Châu sang giúp.

Những yếu tố ấy đã tạo cho Việt Nam một cơ hội rõ ràng để canh tân và đất Gia Định là một thí điểm rất tốt nếu được tiếp tục tiến hành những cải cách mà Giám mục Bá Đa Lộc đưa ra. Đáng tiếc là, sau khi đánh đổ được nhà Tây Sơn, vua Gia Long và con cháu ông lại theo đuổi chính sách bài Tây phương, ngả theo Trung Hoa, hầu như loại trừ mọi tiến bộ mà họ có được trong thời gian phục quốc để quay về mô hình nhà Thanh, một mô hình quân chủ lỗi thời và hủ bại.

ABSTRACT

THE CONTRIBUTION OF BISHOP PIGNEAU DE BEHAINE TO THE REFORM IN GIA ĐỊNH

So far, the research and evaluation on the role of bishop Pigneau de Behaine to the restoration of the Nguyễn dynasty is still an open subject with different protecting and opposing viewpoints. Many scholars accused him of having colonial mind and paving the way for the French aggression, others discussed that he was a pure missionary whose aim of helping Nguyễn Ánh, apart from the friendship between them, was to facilitate his missionary work afterwards.

In this article, the author gives a fairly detailed review of the role of bishop Pigneau de Behaine and other European people in the application of European civilization to the reform of Nguyễn Ánh in the area of Gia Định. According to the author, in late eighteenth century, there was the forming of a nation in the South combining internal forces with the three external factors coming from China, i.e. immigrants coming into the South following the fall of the Ming dynasty, from Siam (Thailand) where Nguyễn Ánh learnt from fighting experience during his stay there, and from Europe through the help of missionaries and other Europeans. Those factors had given Vietnam a clear opportunity to innovate, and the area of Gia Định would have been a good model of carrying out the innovation presented by bishop Pigneau de Behaine. Unfortunately, after overthrowing the Tây Sơn dynasty, Emperor Gia Long and his successors pursued the anti-western policy, almost eliminating every progress they had made during the time of regaining the country and returning to the ruling model of the Qing Dynasty, an obsolete and corrupt monarchy.